**ĐỐI SÁNH MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI ĐẠI HỌC HUẾ VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRONG NƯỚC**

**TS. Dương Văn Dũng, Ths. Phạm Việt Đức, Ths Nguyễn Văn Cường, Ths. Nguyễn Thanh Hùng, Ths. Nguyễn Thị Ly**

**TÓM TẮT**

Với mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế phù hợp với mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của Bộ Giáo dục – Đào tạo, hướng tới chuẩn hóa chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, chúng tôi tiến hành đối sánh chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế với chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục uy tín hàng đầu khác trong nước. Đối sánh chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế với chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất của trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội, Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng cho phép chúng ta nhìn nhận thấy những điểm tương đồng, hạn chế trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế với chương trình đào tạo của các trường trên, từ đó đưa ra những kiến nghị góp phần cải tiến chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế.

*Từ khóa: Đối sánh, chương trình đào tạo, Giáo dục thể chất*

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Chương trình đào tạo của một trường Đại học đóng vai trò rất quan trọng trong việc định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, tuy nhiên hiện nay có rất nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường thì không tìm thấy công việc phù hợp với chuyên ngành đào tạo; một số có việc làm nhưng lại không đáp ứng được với yêu cầu thực tiễn tại địa phương, đơn vị mình công tác. Vì vậy, một vấn đề đặt ra trong quá trình đào tạo tại các trường Đại học là phải định kỳ điều chỉnh, cải tiến chương trình đáp ứng với yêu cầu mới trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là đáp ứng được yêu cầu về chương trình phổ thông mới năm 2018 của Bộ Giáo dục – Đào tạo.

Khoa Giáo dục Thể chất –Đai học Huế được thành lập từ năm 2005 tuy nhiên, mãi đến năm 2015 mới có quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất theo hệ thống tín chỉ trình độ đào tạo đại học, từ đó đến nay chưa có sự điểu chỉnh, cải tiến chương trình trong quá trình đào tạo tại Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế điều này làm ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng và sản phẩm đào tạo phần nào chưa đáp ứng được với nhu cầu thực tế tại các địa phương. Qua việc Đối sánh chương trình đạo tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế với các các cơ sở đào tạo uy tín trong nước góp phẩn cải tiến, hoàn thiện chương trình đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu xã hội.

**2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU**

**2.1. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế**

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế được tiến hành trong 4 năm tương ứng với 8 kỳ với tổng số 120 tín chỉ. Chưa kể kiến thức về Quốc phòng – An ninh (tương đương 11 tín chỉ)

Chương trình bao gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; thực tập, kiến tập và khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế được phân bổ như sau:

**Bảng 1. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG** | **TÍN CHỈ** |
| 1. | Khối kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể kiến thức về quốc phòng – an ninh) | 36 |
| 2. | Giáo dục chuyên nghiêp | 72 |
| 2.1. | Kiến thức cơ sở ngành | 25 |
| 2.2. | Kiến thức ngành | 37 |
| 2.3. | Kiến thức nghiệp vụ sư phạm | 10 |
| 3. | Thực tập, kiến tập | 6 |
| 4. | Khóa luận tốt nghiệp (học phần thay thế) | 6 |
| Tổng | | 120 |

**2.2. Đối sánh chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất của Đại học Huế với các cơ sở đào tạo trong nước**

**2.2.1. Đối sánh mục tiêu đào tạo**: Thông qua việc đối sánh mục tiêu đào tạo để tìm những điểm tương đồng hay khác biệt trong mục tiêu đào tạo của các trường qua đó rà soát, bổ sung cho mục tiêu đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế được hoàn thiện. Bảng đối sánh được thể hiện như sau:

**Bảng 2. Đối sánh mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất của Đại học Huế với các cơ sở đào tạo trong nước.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoa Giáo dục thể chất– Đại học Huế** | **Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội** | **Trường Đại học TDTT Đà Nẵng** |
| 1. Phẩm chất đạo đức:  - Nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Tự nguyện phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và phục vụ nhân dân. Có chí hướng phấn đấu vì sự nghiệp dân giầu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh;  - Có tư cách đạo đức tốt, trách nhiệm cao trong hoạt động chuyên môn, yêu nghề, luôn phấn đấu vì sự nghiệp thể dục thể thao của Đảng và nhà nước;  - Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt trong học tập và công tác. |  | 1. Phẩm chất đạo đức  Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải có phẩm chất chính trị, đạo đức đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay |
| 2. Kiến thức:  - Có kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiểu biết những chính sách, chủ trương của ảng và nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục - văn hoá của đất nước;  - Có kiến thức nhất định về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, đặc biệt nắm vững quy trình, phương pháp, nguyên tắc dạy học và huấn luyện thể dục thể thao hiện đại, đồng thời có khả năng vận dụng những tri thức khoa học thể dục thể thao vào thực tiễn giảng dạy, phát triển phong trào thể dục thể thao, có tiềm năng khoa học để tự phát triển năng lực nghề nghiệp, đáp ứng diễn biến phát triển của thực tiễn nhà trường các cấp về lĩnh vực giáo dục thể chất;  - Sử dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành thể dục thể thao để phân tích và giải thích những vấn đề trong thực tiễn công tác Giáo dục thể chấtvà thể thao trường học;  - Có đủ năng lực đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục và dạy học môn giáo dục thể chất; | 2. Kiến thức:  - Vận dụng được kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, âm nhạc và các kiến thức giáo dục đại cương khác để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.  - Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản ở các lĩnh vực lý luận, nghiệp vụ sư phạm, y học TDTT, nghiên cứu khoa học, toán thống kê... vào giáo dục và dạy học giáo dục thể chất, thiết kế chương trình môn học trong nhà trường.  - Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ sở lý luận, các phương pháp trong rèn luyện thể lực, kiến thức chuyên sâu các môn thể thao chuyên ngành vào dạy học môn Giáo dục thể chấtvà phát triển phong trào TDTT trong nhà trường.  - Phân tích, đánh giá được trình độ, năng lực, nhu cầu của người học để lựa chọn hình thức, phương pháp, khối lượng tập luyện cho phù hợp. - Vận dụng được các phương pháp giảng đạy của môn học giáo dục rèn luyện khả năng tự luyện tập của người học, các phương pháp trong rèn luyện thể lực và hình thành kỹ năng của hoạt động thể dục thể thao | 2. Kiến thức:  - Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin để có thể hiểu, phân tích và giải thích các vấn đề dân tốc; quan hệ dân tộc và tôn giáo… trong từng giai đoạn lịch sử và hiện nay. Hiểu biết các kiến thức chuyên sâu về cấu trúc giải phẫu, đặc điểm tâm sinh lý, hình thái chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể, các vấn đề về tâm lý và lượng vận động, quãng nghĩ, cấu trúc buổi tập trong tập luyện và thi đấu.  - Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức về lý luận và phương pháp giảng dạy thể dục thể thao, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Giáo dục thể chấtđể thực hiện tốt công tác thể dục thể thao trường học.  - Kiến thức tổng quát về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, nguyên lý kỹ thuật, phương pháp giảng dạy cũng như cách đánh giá kết quả giảng dạy Giáo dục thể chấtvà phương pháp huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao |
| 3. Kỹ năng:  - Có khả năng áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện dạy học hiện đại vào quá trình dạy học giáo dục thể chất, nâng cao chất lượng dạy học; Kỹ năng tổ chức và điều khiển các hoạt động thể dục thể thao trường học;  - Có kỹ năng thực hiện chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và tổ chức kiểm tra đánh giá nội dung môn học;  - Có kỹ năng thực hành cơ bản các môn thể thao phổ thông; giải quyết các tình huống sư phạm và trong các hoạt động thể dục thể thao quần chúng.  - Có năng lực tổ chức thi đấu và làm trọng tài thi đấu thể thao cấp cơ sở;  - Có kỹ năng nghiên cứu khoa học, phân tích và giải quyết các vấn đề mới trong lĩnh vực Giáo dục thể chấtvà thể thao trường học.  - Sử dụng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point), sử dụng thành thạo internet;  - Biết làm công tác chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Có kỹ năng quản lý lớp học, xây dựng lớp thành tập thể đoàn kết. Có khả năng giáo dục học sinh cá biệt, biết lập sổ sách, xây dựng và lưu trữ hồ sơ về quá trình học tập rèn luyện đạo đức của học sinh.  - Có trình độ tiếng Anh theo chuẩn ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và ào tạo | 3. Kỹ năng:  - Có kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.  - Xác định sự tiến bộ của người học, có kỹ năng đánh giá kết quả học tập, từ đó vận dụng phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng người học.  - Có kỹ năng huấn luyện và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa trong và ngoài nhà trường.  - Có khả năng nghiên cứu khoa học và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào giảng dạy Giáo dục thể chấtvà TDTT.  - Có kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo và đạt tiêu chuẩn (hoặc tương đương) vận động viên cấp 2 ở môn thể thao chuyên ngành; tiêu chuẩn vận động viên cấp 3 ở một môn Điền kinh (bắt buộc) và một môn thể thao tự chọn (không trùng với môn chuyên sâu).  - Có kỹ năng cơ bản về đánh giá thể chất, dinh dưỡng, xử lý chấn thương, xoa bóp, hồi phục, điều trị bệnh lý cơ bản trong hoạt động thể thao.  - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tiếng anh (tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TTBGDĐT)  - Có kiến thức đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT) | 3. Kỹ năng  - Có kỹ năng xây dựng, tổ chức, tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động liên quan đến giảng dạy như: lập kế hoạch, soạn giáo án, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả giảng dạy TDTT trường học.  - Có kỹ năng thực hành tốt các thể thao để hướng dẫn và huấn luyện, tổ chức và quản lý các hoạt động trong thi đấu các môn thể thao trường học; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, phân tích và giải quyết các vấn đề; vận dụng tư duy sáng tạo trong công tác giảng dạy và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục thể chất. |
| 4. Thái độ:  - Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao;  - Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt;  - Có ý thức trách nhiệm về nghề nghiệp được đào tạo. |  | 4. Thái độ  - Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm công dân cao; có tác phong nghề nghiệp và thái độ phục vụ tốt;  - Ham học hỏi qua các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu của ngành, chuyên ngành, các lớp chuyện đề, luôn luôn học tập, bổ sung kiến thức chuyên môn để làm tốt hơn nhiệm vụ; có khả năng tìm tòi, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. |
| 5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp  - Giảng dạy thể dục; huấn luyện các đội tuyển thể thao; tổ chức thi đấu và làm trọng tài các giải thi đấu thể thao của nhà trường và địa phương.  - Công tác tại các Phòng, Sở văn hoá Thể thao và Du lịch, các Trung tâm thể dục thể thao…với các công việc như tổ chức, xây dựng các phong trào thể dục thể thao, huấn luyện các đội tuyển thể thao nghiệp dư địa phương. | 5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp  - Cán bộ, giáo viên, giảng viên giảng dạy môn Giáo dục thể chấtở các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân, viện nghiên cứu.  - Lãnh đạo, chuyên viên, cán bộ trong các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp;  - Huấn luyện viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT tại các Trung tâm TDTT, Câu lạc bộ TDTT | 5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp  Tham gia công tác giảng dạy môn học Giáo dục thể chấttrong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân hoặc làm công tác quản lý phong trào TDTT ở các Sở, Ngành; các tổ chức xã hội; tham gia công tác hướng dẫn, giảng dạy, nghiên cứu khoa học TDTT cho các đơn vị TDTT cơ sở tại các địa phương, các câu lạc bộ thể dục thể thao |

Qua bảng 2 cho thấy, mục tiêu đào tạo của các trường có sự tương đồng với nhau, đều hướng tới các mục tiêu cụ thể như: phẩm chất đạo đưc, kiến thức, kỹ năng và thái độ; bên cạnh đó chương trình đào tạo của các trường cũng nhấn mạnh đến vị trí việc làm sau khi sinh viên ra trường. Tuy nhiên, trong phần kỹ năng thì thấy rõ sự khác nhau trong chương trình đào tạo của các trường, riêng chương trình đào tạo ngành GDTC của Đại học Huế và của Trường SP TDTT Hà Nội thì nêu tương đối đầy đủ và cụ thể thì trong chương trình của trường Đại học TDTT Đà Nẵng lại nêu tương đối ngắn gọn mà cũng không đề cập đến năng lực ngoại ngữ và tin học của người học. riêng chương trình của trường SP TDTT Hà Nội thì bắt buộc sinh viên phải đạt tiêu chuẩn trình độ vận động viên cấp 2 đối với các môn chuyên sâu và cấp 3 đối với một môn điền kinh và một môn thể thao tự chọn, đây cũng là điều kiện để các bạn sinh viên nâng cao năng lực chuyên môn của mình để đáp ứng yêu cầu công tác sau này. Vì vậy cần bổ sung thêm tiêu chuẩn này trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế.

**2.2.2. Đối sánh về nội dung chương trình đào tạo ngành GDTC tại Đại học Huế với các cơ sở đào tạo trong nước.**

**Dữ liệu đối sánh**

**- Chương trình đào tạo ngành GDTC tại Đại học Huế**

Quyết định số 926 / QĐ-ĐHH ngày 20 tháng 7 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành chương trình đào tạo ngành GDTC theo hệ thồng tín chỉ trình độ Đại học thuộc Khoa Giáo dục thể chất

**- Chương trình đào tạo ngành GDTC tại Đại học SP TDTT Hà Nội**

**Website:** [**http://hupes.edu.vn/**](http://hupes.edu.vn/) **chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành GDTC theo hệ thống tín chỉ**

**- Chương trình đào tạo ngành GDTC tại Đại học TDTT Đà Nẵng**

**Website:** [**http://dsu.edu.vn/chương**](http://dsu.edu.vn/chương) **trình đào tạo**

**Bảng 3. Đối sánh nội dung chương trình đào tạo ngành GDTC của Đại học Huế với các cơ sở đào tạo ngành GDTC trong nước**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG** | **Ngành GDTC của Đại học Huế** | **Ngành GDTC của Đại học Đà Nẵng** | **Ngành GDTC của Đại học SPTDTT Hà Nội** |
| 1 | Thời gian đào tạo | 4 năm | 4 năm | 4 năm |
| 2 | Tổng số tín chỉ | 120 | 130 | 132 |
| 3 | Kiến thức giáo dục đại cương | 36 | 33 | 25 |
| 4 | Kiến thức cơ sở ngành | 25 | 31 | 34 |
| 5 | Kiến thức chuyên ngành | 37 | 49 | 57 |
| 6 | Kiến thức nghiệp vụ sư phạm | 10 | 0 | 0 |
| 7 | Thực tập, kiến tập | 06 | 11 | 10 |
| 8 | Khóa luận TN hoặc học phần thay thế | 06 | 06 | 06 |

Qua bảng 3 cho thấy, về thời gian đào tạo của ba trường là như nhau, tuy nhiên tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo của khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế là ít nhất, chỉ 120 so với 130 của các trường còn lại. Trong đó, khối kiến thức về giáo duc đại cương lại nhiều nhất 36/33/25 so với trường Đại học TDTT Đà Nẵng và SP TDTT Hà Nội. bên cạnh đó trong chương trình đào tạo của khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế lại nhấn mạnh nhiều hơn đến khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, điều này cũng dễ hiểu với mong muốn các em sau khi ra trường về công tác tại các trường học thì sẽ có lợi thế hơn trong hoạt động giảng dạy của mình. Mặt khác khối kiến thức ngành thì lại ít nhất, cụ thể như: kiến thức cơ sở ngành là 25/31/34 tín chỉ so với các trường còn lại; kiến thức chuyên ngành là 37/49/57 tín chỉ điều này làm giảm đi rất nhiều thời lượng dành cho việc thu nhận kiến thức chuyên môn và hình thành các kỹ năng, kỹ xảo vận động trong các môn thể thao. Qua đó sẽ nhận thấy có những em khi ra trường nhưng năng lực thực hành còn hạn chế làm ảnh hưởng rất nhiều đến công tác chuyên môn của các em tại cơ quan, đơn vị công tác. Vì vậy, đặt ra nhiệm vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế nhằm mục tiêu đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới hiện nay.

**3. KẾT LUẬN**

Về mục tiêu đào tạo trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất của Khoa Giáo dục Thể chất – Đại học Huế với trường ĐH TDTT Đà Nẵng và Trường ĐH SPTDTT Hà Nội là tương đồng nhau, tuy nhiên cần phải đưa vào chương trình của Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế những tiêu chuẩn đạt được của vận động viên các cấp như trong chương trình của trường ĐH SP TDTT Hà Nội.

Về tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo ngành GDTC của Khoa Giáo dục Thể chất – Đại học Huế so với các trường còn lại đang còn ít hơn, do vậy nên tăng số tín chỉ trong chương trình đào tạo từ đó tăng số tín chỉ trong khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành nhờ đó sinh viên có điều kiện để thu nhận thêm kiến thức và rèn luyện kỹ năng kỹ xảo chuyên môn cho bản thân.

Nhận thấy trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế cần được cải tiến theo hướng tiến tới xây dựng chương trình hướng tới phát triển phẩm chất và năng lực người học đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đại học TDTT Đà Nẵng, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất. 2023

2. Đại học SP TDTT Hà Nội, chương trình đào tạo trình độ Đại học hệ Chính quy ngành Giáo dục Thể chất, theo hệ thống tín chỉ. 2020

3. Mai Quang Huy, So sánh chương trình đào tạo cử nhân Khoa học giáo dục. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. 34(1): p. 47-57

4. Nguyễn Thị Ngọc Lâm, Đinh Đức Triết (2023) đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành kỹ thuật xét nghiệm y học trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch (năm 2020) với các cơ sở giáo dục trong nước.